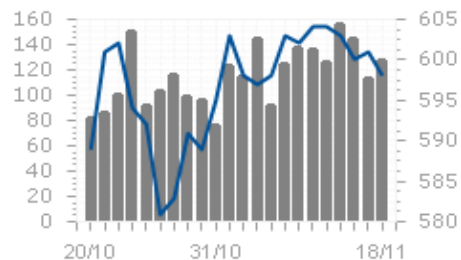


## HOSE 18/11/2014

VNINDEX 594.25 **-6.67** **-1.11%**

KLGD 143,921,465 CP  
GTGD 2,725.23 Tỷ  
GTR NDTNN - 218.06 Tỷ

CP Tăng giá 84 CP  
CP Giảm giá 133 CP  
CP Đứng giá 87 CP



## Tâm điểm

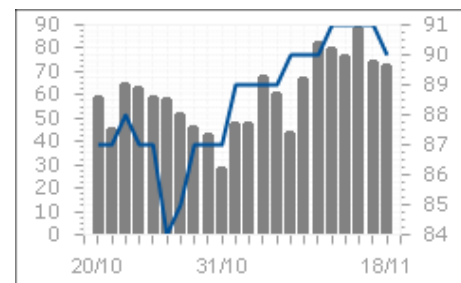
- ▶ **Khối ngoại bán ròng, chỉ số 2 sàn giảm về mức thấp nhất trong phiên**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục gia tăng trên cả hai sàn**  
NĐT Nước ngoài bán ròng mạnh trên HOSE hơn 200 tỷ đồng
- ▶ **Nợ xấu và nợ có khả năng mất vốn của ngân hàng có chiều hướng tăng**  
Nợ xấu tại các ngân hàng thương mại phần lớn đều dưới mức quy định 3% VTC
- ▶ **Tháng 10 thâm hụt thương mại 4 triệu USD**  
Cán cân thương mại hàng hóa 10 tháng năm 2014 thặng dư hơn 2,36 tỷ USD DVO/TCHQ
- ▶ **Lạm phát tại Nga có thể vượt 9%**  
Bộ trưởng Kinh tế Nga Alexei Ulyukayev dự báo DVO/Reuters
- ▶ **PVN mua thêm 11% cổ phần dự án hóa dầu Long Sơn**  
Toàn bộ phần vốn góp 11% của Vinachem sẽ được chuyển cho PVN DVO/PVN
- ▶ **Sudico 9 tháng lãi trước thuế 26 tỷ đồng, bằng 20% kế hoạch năm**  
Chỉ hoàn thành hơn 20% kế hoạch năm. DVO

## HNX 18/11/2014

HNXINDEX 90.25 **-0.62** **-0.69%**

KLGD 74,296,472 CP  
GTGD 1,120.92 Tỷ  
GTR NDTNN - 5.75 Tỷ

CP Tăng giá 87 CP  
CP Giảm giá 124 CP  
CP Đứng giá 168 CP



## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,080,320	14.7	3.1	18.8%	10.1%
HNX	150,042	14.5	1.9	9.1%	4.5%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,230,362</b>	<b>15.2</b>	<b>3.1</b>	<b>19.0%</b>	<b>9.7%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,099	6.9	0.9	12.7%	8.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,092	9.7	1.6	16.3%	10.3%
Khai khoáng	39,170	13.4	2.0	22.5%	10.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,608	94.0	6.2	-4.0%	-3.3%
Xây dựng	25,701	14.1	1.5	13.6%	7.4%
Máy công nghiệp	33,574	33.1	1.3	-0.5%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,660	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	11,485	9.1	1.6	18.3%	13.4%
Nuôi trồng nông & hải sản	9,013	11.6	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm	22,976	11.1	2.0	21.8%	7.4%
Dược phẩm	195,680	24.8	4.7	18.8%	14.6%
Phần mềm	15,964	12.7	2.9	22.5%	14.9%
Sản xuất & phân phối điện	17,446	10.4	2.2	21.8%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,219	10.1	1.5	15.7%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	203,852	16.7	5.4	32.5%	22.0%
Môi giới chứng khoán	26,266	20.9	2.2	10.4%	2.2%
Ngân hàng	30,115	12.8	1.8	11.3%	7.9%
Bất động sản	238,527	11.3	1.2	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	178,928	17.6	3.2	19.5%	4.9%
	48,787	11.0	2.3	21.9%	9.2%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 627.84 **-9.37** **-1.47%**  
HNX30 183.70 **-1.42** **-0.76%**

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

### VietinBankSc

306 Ba Triệu  
Hai Ba Trưng  
Hanoi  
Vietnam  
Tel: (844) 3974 7952  
Fax: (844) 3974 1760  
www.vietinbanksc.com.vn

**Trịnh Thị Thu Phương**

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**Nợ xấu và nợ có khả năng mất vốn của ngân hàng có chiều hướng tăng**

**Tháng 10 thâm hụt thương mại 4 triệu USD**

**Lạm phát tại Nga có thể vượt 9%**

**Trịnh Thị Thu Phương**

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**PVN mua thêm 11% cổ phần dự án hóa dầu Long Sơn**

**Sudico 9 tháng lãi trước thuế 26 tỷ đồng, bằng 20% kế hoạch năm**

**TSC lãi lũy kế 9 tháng 22,6 tỷ đồng, hoàn thành 41% kế hoạch năm**

## ► Tin kinh tế

Cuối tháng 10, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tp.HCM công bố tính đến cuối tháng 8, nợ xấu tại Tp.HCM tăng hơn 16.000 tỷ đồng so với cuối năm ngoái. Các khoản nợ dưới chuẩn của hệ thống ngân hàng Tp.HCM là 60.000 tỷ đồng nợ xấu, chiếm tỷ lệ 6,1%. Báo cáo cho biết tỷ lệ nợ xấu của các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính cao nhất, chiếm 21- 37% dư nợ cho vay của các đơn vị này. Trong khi đó, nợ xấu tại các ngân hàng thương mại phần lớn đều dưới mức quy định 3%, ngoại trừ một số ngân hàng như DongABank (6,8%), Ngân hàng Bản Việt (3,61%).

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam trong tháng 10/2014 là gần 24,14 tỷ USD, tăng 8,9%, tương ứng tăng gần 2,29 tỷ USD so với tháng trước. Trong đó, xuất khẩu đạt gần 14,07 tỷ USD, tăng 11,3%, tương ứng tăng hơn 1,43 tỷ USD so với tháng 9/2014 và nhập khẩu đạt hơn 14,07 tỷ USD, tăng 6,5%, tương ứng tăng 856 triệu USD. Do vậy, cán cân thương mại hàng hóa trong tháng 10 chỉ thâm hụt 4 triệu USD. Tính từ đầu năm đến hết tháng 10/2014, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá cả nước đạt hơn 245,3 tỷ USD. Xuất khẩu 10 tháng đạt kim ngạch hơn 123,83 tỷ USD. Nhập khẩu đạt hơn 121,47 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa 10 tháng năm 2014 đạt mức thặng dư hơn 2,36 tỷ USD.

Bộ trưởng Kinh tế Nga Alexei Ulyukayev dự báo: Lạm phát tại Nga sẽ vượt ngưỡng 9% vào cuối năm nay và sẽ tiếp tục gia tăng mạnh hơn trong đầu năm 2015 do ruble liên tục bất ổn. Cụ thể ông Ulyukayev cho biết, vào cuối quý I/2015, lạm phát sẽ cao hơn khoảng 3,5 điểm phần trăm so với dự báo của ngân hàng trung ương Nga. Tuần trước, ngân hàng trung ương Nga đã nâng dự báo lạm phát năm 2014 của nước này lên 8,2-8,4% so với dự báo 7,5% trước đó. Năm 2015, lạm phát dự báo sẽ xuống còn 6,2-6,4%. Tính đến thời điểm hiện tại của năm 2014, ruble đã giảm khoảng 30% so với USD do tác động của các đòn trừng phạt từ phương Tây và đà lao dốc của giá dầu.

## ► Tin doanh nghiệp

Chiều ngày 17/11 tại trụ sở Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã diễn ra Lễ ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem) tại Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn (LSP) cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Toàn bộ phần vốn góp 11% của Vinachem sẽ được chuyển cho PVN. Sau khi chuyển nhượng, PVN sẽ có tỉ lệ góp vốn là 29% và 71% còn lại là của Tập đoàn SCG (Thái Lan) và Tập đoàn QP (Qatar). Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn được thành lập từ năm 2008 để triển khai đầu tư Dự án Tổ hợp Hóa dầu miền Nam tại xã Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu). Đây là tổ hợp hóa dầu lớn nhất tại Việt Nam, với công suất thiết kế 2,7 triệu tấn nguyên liệu đầu vào mỗi năm với tổng mức đầu tư ước tính hơn 4,6 tỉ USD.

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà (HOSE: mã SJS) công bố báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2014. Doanh thu quý III/2014 đạt 37,5 tỷ đồng, giảm 36% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận gộp giảm gần một nửa, chỉ còn hơn 15 tỷ đồng. Tuy nhiên, nhờ hoạt động tài chính quý này có lãi hơn 3 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ hơn 5 tỷ đồng, chí phí bán hàng và quản lý giảm mạnh khiến lợi nhuận sau thuế đạt gần 9,7 tỷ đồng, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 9 tháng đầu năm, Sudico đạt 84,7 tỷ đồng doanh thu, giảm 61% so với cùng kỳ và mới hoàn thành hơn 9% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế là hơn 26 tỷ đồng, mới hoàn thành hơn 20% kế hoạch năm.

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ TSC vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2014. Theo đó, doanh thu thuần quý III đạt gần 97,3 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt gần 20,2 tỷ đồng, con số này cùng kỳ năm 2013 ghi nhận mức lỗ hơn 3,6 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần đạt 300,6 tỷ đồng, giảm gần 48% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 22,58 tỷ đồng, tăng gấp 7 lần so với cùng kỳ năm 2013. Lãi cổ đông công ty mẹ 9 tháng đầu năm đạt hơn 23 tỷ đồng, tăng gấp 3,5 lần so với cùng kỳ.

**HOSE** 18/11/2014 VNINDEX 594.25 -6.67 -1.11% 143,921,465 CP 2,725.23 bil VND

**Khối ngoại bán ròng, chỉ số 2 sàn giảm về mức thấp nhất trong phiên**

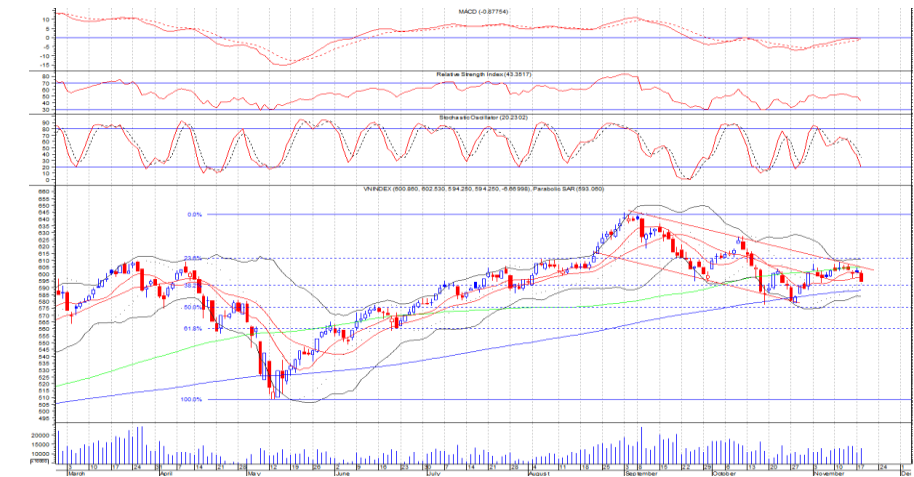
VN-Index giảm 6.68 điểm (-1.11%), đóng cửa tại mức 594.25 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, VN-Index giảm điểm khá mạnh, đồng thời phá vỡ ngưỡng hỗ trợ MA20.

- MACD dừng đà tăng, chưa cho tín hiệu cắt đường zero - base và sắp cho tín hiệu bán ra.

- Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm khá mạnh và sắp đi vào vùng quá mua.

- RSI (14) sụt giảm mạnh về mốc 43.

- VN-Index lại rơi về vùng ở giữa MA20 và MA200. VN-Index vẫn đang nằm trong kênh giá giảm duy trì từ tháng 9 đến nay.



**HOSE Top 5** theo KLGD

FLC	-0.3 (-2.4%)	18,700,540
VHG	0.2 (1.1%)	6,864,850
OGC	0 (0.0%)	5,816,350
ITA	-0.1 (-1.1%)	5,585,200
KBC	-0.4 (-2.3%)	5,329,180

**HOSE Top 5** theo % tăng

HLG	0.3 (7.0%)	10
DCL	3.1 (6.9%)	125,970
SBC	1.2 (6.9%)	49,620
QBS	1.5 (6.8%)	407,410
TNC	0.8 (6.8%)	183,800

**HOSE Top 5** theo % giảm

CIG	-0.2 (-6.5%)	3,930
VLF	-0.4 (-5.8%)	630
SGT	-0.3 (-5.7%)	3,060
PDN	-1.6 (-4.3%)	2,100
CMG	-0.4 (-4.0%)	112,380

**HOSE Top 5** Mua ròng NDTNN

NBB	12,4 tỷ	646,660
HSG	7,5 tỷ	150,200
DQC	2,3 tỷ	32,400
ABT	2,3 tỷ	43,990
VCF	1,9 tỷ	9,410

**HOSE Top 5** Bán ròng NDTNN

KDC	-104,3 tỷ	1,884,990
MSN	-89,5 tỷ	1,105,020
VIC	-20,7 tỷ	424,140
GAS	-5,0 tỷ	48,100
KBC	-3,2 tỷ	191,000

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HOSE	-4,196,440	- 218.06

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ TT chỉ duy trì được đà tích cực ít phút đầu buổi sáng và nhanh chóng yếu dần về sau đó, số mã giảm điểm gia tăng mạnh, VN-Index đóng cửa ở mức thấp nhất phiên.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 128 triệu. Lực cung có phần khá dứt khoát tuy nhiên lực cầu giá thấp chờ sẵn rất tốt, vì vậy mà thanh khoản đã gia tăng tích cực.
- ▶ Khối ngoại bán ròng khá mạnh với giá trị 218 tỷ. Đây một phần là nguyên nhân dẫn tới đà giảm mạnh của VN-Index ở cuối phiên.
- ▶ VN-Index bất ngờ mất điểm khá mạnh cuối phiên, tuy nhiên động thái này chưa thể hiện hết tương quan cung cầu hiện nay. Nhìn chung chỉ số này vẫn tiếp tục tích lũy.
- ▶ Chúng tôi cho rằng nhịp tích lũy của thị trường vẫn sẽ tiếp diễn, tuy nhiên sẽ có những mã cơ bản tốt thu hút được tiền đầu cơ vẫn tiếp tục phá đỉnh.

**HOSE - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	103.0	195,185.00	17.1	5.6	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	103.0	103,012.22	17.9	5.7	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	27.0	71,955.55	15.8	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.5	70,545.92	18.5	3.9	21.1%	4.6%
MSN	735.8	81.0	59,600.46	- 485.9	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.2	52,872.34	9.8	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.1	36,826.75	8.3	1.2	13.6%	0.8%
HPG	481.9	57.0	27,468.77	8.7	2.4	30.2%	14.7%
PVD	303.0	90.0	27,273.32	11.4	2.5	22.6%	10.8%
BVH	680.5	38.1	25,925.96	20.9	2.2	10.4%	2.2%

**HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

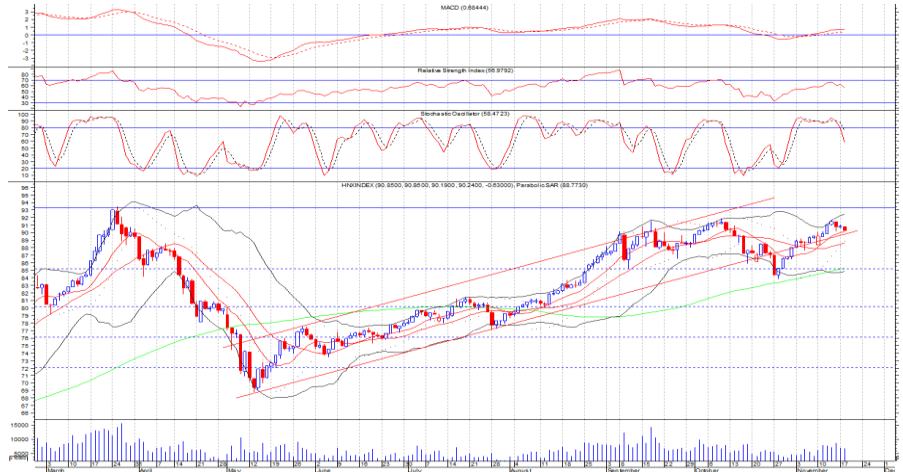
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.8	793.79	13.5	0.9	NA	TH.DOI
HBC	52.7	16.3	858.89	19.8	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.4	2,241.22	7.0	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.5	3,024.32	8.4	1.8	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	3.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	24.1	665.40	2.0	1.0	NA	TH.DOI

**HNX** 18/11/2014 HNX-Index 90.25 -0.62 -0.69% 74,296,472 CP 1,120.92 bil. VND

### Khối ngoại bán ròng, chỉ số 2 sàn giảm về mức thấp nhất trong phiên

Chỉ số HNX-Index giảm 0.62 điểm (-0.69%), đóng cửa tại mốc 90.25 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân ngắn, HNX-Index vẫn đang ở giao dịch tiệm cận vùng đỉnh cũ.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm khá mạnh ở phiên hôm nay.
- MACD dùng đà tăng điều này cho thấy lực tăng của HNX-Index đang yếu dần.
- RSI (14) sụt giảm về mốc 56.
- HNX-Index đang tiệm cận vùng đỉnh cũ vì vậy rủi ro điều chỉnh đang khá lớn.



### HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	KLGD
KLF	-0.2 (-1.3%)	19,193,600
PVX	-0.1 (-1.6%)	4,977,630
SCR	-0.3 (-3.0%)	3,864,070
HUT	-0.5 (-3.4%)	3,820,460
FIT	-1 (-3.1%)	2,395,600

### HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá
LM3	0.3 (10.0%)	1,900
VAT	0.7 (10.0%)	34,600
BED	1.3 (9.8%)	500
RCL	2.3 (9.8%)	35,100
ITQ	1.7 (9.8%)	483,920

### HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá
KTS	-1.4 (-10.0%)	100
VIX	-6 (-10.0%)	461,750
SDG	-2.5 (-9.4%)	300
GLT	-1.7 (-9.0%)	400
CT6	-0.8 (-8.7%)	1,100

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Mua ròng (tỷ)	Giá
SD9	0,5 tỷ	35,700
TNG	0,3 tỷ	9,400
NTP	0,2 tỷ	4,400
TIG	0,2 tỷ	15,000
IVS	0,2 tỷ	15,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Bán ròng (tỷ)	Giá
PVL	-1,9 tỷ	491,200
PLC	-1,6 tỷ	47,470
SHB	-1,2 tỷ	141,400
KLF	-1,2 tỷ	77,300
VCG	-1,0 tỷ	72,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-757,470	- 5.75

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT chỉ duy trì được đà tích cực ít phút đầu buổi sáng và nhanh chóng yếu dần về sau đó, số mã giảm điểm gia tăng mạnh, HNX-Index đóng cửa ở mức thấp nhất phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 68 triệu. Đây vẫn là mức thanh khoản trung bình của sàn Hà Nội, nó cho thấy đà tích lũy có thể vẫn tiếp tục duy trì ở sàn này.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 5 tỷ. Khối này giảm lượng bán ròng là một tín hiệu khá tích cực. Vì dòng vốn ngoại vẫn mang yếu tố khá quan trọng.
- ▶ HNX-Index đang ở vùng đỉnh cũ, vì vậy nhiều khả năng nhịp điều chỉnh có thể sẽ xuất hiện. Thị trường cần dòng tiền mới để có thể đẩy HNX-Index bứt phá mạnh.
- ▶ Chúng tôi cho rằng nhịp tích lũy của thị trường vẫn sẽ tiếp diễn, tuy nhiên sẽ có những mã cơ bản tốt thu hút được tiền đầu cơ vẫn tiếp tục phá đỉnh.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	39.9	17,823.35	10.9	2.1	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.7	14,283.55	26.6	1.2	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.6	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	13.0	5,742.24	9.0	1.1	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.1	4,075.36	13.0	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	56.5	3,183.17	7.4	2.1	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.3	2,791.92	8.4	1.0	12.8%	5.4%
LAS	77.8	31.9	2,482.84	7.0	2.0	25.6%	14.6%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	35.9	1,364.20	8.6	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.0	633.60	5.9	1.1	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.7	2,123.48	11.3	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	56.5	3,183.17	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	34.3	1,715.00	8.7	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.0	330.75	8.0	1.5	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	15.22%	81.0	- 485.89	4.31	176,358	200,662	214,767
VIC	HOSE	1,454.6	70,545.92	12.53%	48.5	18.52	3.92	1,140,725	1,316,246	2,077,202
PVD	HOSE	303.0	27,273.32	11.71%	90.0	11.38	2.46	352,157	411,290	558,372
HPG	HOSE	481.9	27,468.77	11.57%	57.0	8.69	2.39	333,426	412,802	751,997
HAG	HOSE	789.9	19,352.53	7.45%	24.5	10.41	1.35	3,850,466	3,481,737	3,970,729
KDC	HOSE	255.2	13,906.28	7.00%	54.5	23.03	2.11	1,645,714	1,111,588	923,404
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	5.69%	18.5	8.82	1.22	220,946	303,138	421,723
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	5.16%	27.0	15.83	1.68	202,167	242,260	456,650
DPM	HOSE	379.9	11,208.06	4.04%	29.5	9.43	1.23	302,786	394,022	981,154
KBC	HOSE	389.8	6,509.00	2.83%	16.7	15.81	1.28	5,830,413	5,319,475	4,974,500
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.64%	8.7	51.81	0.80	6,022,415	5,243,133	7,931,448
HSG	HOSE	96.3	4,796.39	1.95%	49.8	11.46	1.98	204,272	239,117	355,812
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	1.83%	38.1	20.90	2.19	182,075	199,419	253,229
HVG	HOSE	132.0	4,210.79	1.55%	31.9	14.35	1.73	1,579,017	1,539,572	1,900,167
FLC	HOSE	314.9	3,778.73	1.53%	12.0	7.22	1.02	16,418,990	12,773,594	15,528,563
PPC	HOSE	318.2	7,762.97	1.47%	24.4	10.84	1.47	229,502	276,313	586,941
DRC	HOSE	83.1	4,942.89	1.41%	59.5	14.54	3.51	51,840	60,852	168,486
PVT	HOSE	255.9	4,477.51	1.37%	17.5	15.42	1.49	2,069,261	1,753,425	2,261,153
CSM	HOSE	67.3	3,075.24	1.32%	45.7	8.75	2.40	76,854	111,762	231,372
VSH	HOSE	206.2	2,969.87	1.16%	14.4	20.28	1.10	536,721	512,748	660,350
OGC	HOSE	300.0	2,790.00	0.56%	9.3	34.33	0.88	6,062,955	7,169,803	5,182,762

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	8.53%	81.0	- 485.89	4.31	176,358	200,662	214,767
VIC	HOSE	1,454.6	70,545.92	7.57%	48.5	18.52	3.92	1,140,725	1,316,246	2,077,202
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	7.13%	27.0	15.83	1.68	202,167	242,260	456,650
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	6.62%	18.5	8.82	1.22	220,946	303,138	421,723
PVS	HNX	446.7	17,823.35	5.75%	39.9	10.90	2.08	1,302,498	1,791,650	3,545,162
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	4.51%	38.1	20.90	2.19	182,075	199,419	253,229
DPM	HOSE	379.9	11,208.06	4.25%	29.5	9.43	1.23	302,786	394,022	981,154
HAG	HOSE	789.9	19,352.53	4.04%	24.5	10.41	1.35	3,850,466	3,481,737	3,970,729
PVD	HOSE	303.0	27,273.32	3.90%	90.0	11.38	2.46	352,157	411,290	558,372
PPC	HOSE	318.2	7,762.97	3.14%	24.4	10.84	1.47	229,502	276,313	586,941
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	3.29%	8.7	51.81	0.80	6,022,415	5,243,133	7,931,448
FLC	HOSE	314.9	3,778.73	2.85%	12.0	7.22	1.02	16,418,990	12,773,594	15,528,563
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.54%	8.7	9.64	0.75	2,254,291	2,760,191	4,986,418
VCG	HNX	441.7	5,742.24	2.12%	13.0	8.96	1.05	1,384,556	1,291,751	1,542,773
PVT	HOSE	255.9	4,477.51	1.78%	17.5	15.42	1.49	2,069,261	1,753,425	2,261,153
OGC	HOSE	300.0	2,790.00	143.00%	9.3	34.33	0.88	6,062,955	7,169,803	5,182,762
DRC	HOSE	83.1	4,942.89	1.00%	59.5	14.54	3.51	51,840	60,852	168,486
IJC	HOSE	274.2	3,646.79	0.65%	13.3	22.01	1.29	630,203	697,995	1,476,560
PVX	HNX	400.0	2,480.00	0.00%	6.2	- 2.75	2.73	6,209,992	5,808,781	9,137,658

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,545.92	0.00%	48.5	18.52	3.92	1,140,725	1,316,246	2,077,202
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	0.00%	81.0	- 485.89	4.31	176,358	200,662	214,767
DPM	HOSE	379.9	11,208.06	0.00%	29.5	9.43	1.23	302,786	394,022	981,154
HAG	HOSE	789.9	19,352.53	0.00%	24.5	10.41	1.35	3,850,466	3,481,737	3,970,729
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	0.00%	27.0	15.83	1.68	202,167	242,260	456,650
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.00%	18.5	8.82	1.22	220,946	303,138	421,723
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	0.00%	38.1	20.90	2.19	182,075	199,419	253,229
CTG	HOSE	3,723.4	52,872.34	0.00%	14.2	9.80	0.98	138,797	292,850	370,957
GAS	HOSE	1,895.0	195,185.00	0.00%	103.0	17.09	5.57	282,305	305,672	392,339

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	4.01%	81.0	- 485.89	4.31	176,358	200,662	214,767
VIC	HOSE	1,454.6	70,545.92	2.27%	48.5	18.52	3.92	1,140,725	1,316,246	2,077,202
PVD	HOSE	303.0	27,273.32	4.39%	90.0	11.38	2.46	352,157	411,290	558,372
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.89%	18.5	8.82	1.22	220,946	303,138	421,723
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	1.28%	27.0	15.83	1.68	202,167	242,260	456,650
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	1.79%	38.1	20.90	2.19	182,075	199,419	253,229

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

18 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,099	6.9	0.9	12.7%	8.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,092	9.7	1.6	16.3%	10.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,139	16.6	1.1	5.5%	2.2%
Sản xuất giấy	913	6.7	1.0	14.1%	7.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,170	13.4	2.0	22.5%	10.9%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,933	3.5	1.0	21.9%	5.2%
Khai khoáng	12,608	94.0	6.2	-4.0%	-3.3%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,701	14.1	1.5	13.6%	7.4%
Xây dựng	33,574	33.1	1.3	-0.5%	2.2%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,267	9.8	1.2	15.6%	7.7%
Công nghiệp phức hợp	1,383	9.1	1.5	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,474	8.1	0.9	12.0%	5.7%
Thiết bị điện	2,057	36.5	1.0	2.1%	0.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	51	16.7	0.7	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,660	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,907	3.6	1.2	5.4%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,485	9.1	1.6	18.3%	13.4%
Dịch vụ vận tải	6,873	9.3	1.6	18.9%	11.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	5,059	12.6	2.1	16.7%	11.3%
Đào tạo & Việc làm	284	11.3	0.9	8.1%	2.9%
Nhà cung cấp thiết bị	200	9.1	0.9	12.1%	4.9%
Chất thải & Môi trường	196	3.0	0.9	33.6%	15.9%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,260	13.5	1.3	14.4%	7.1%
Lốp xe	9,013	11.6	3.0	25.5%	11.1%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,588	7.0	1.3	17.7%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	303	13.1	2.0	16.4%	10.2%
Đồ uống & giải khát	231	6.5	1.1	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	22,976	11.1	2.0	21.8%	7.4%
Thực phẩm	195,680	24.8	4.7	18.8%	14.6%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	76	21.4	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,965	8.1	1.4	19.5%	9.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	609	38.5	1.5	4.0%	2.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,798	8.9	1.8	19.7%	7.6%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,298	10.5	2.1	19.0%	9.7%
Thuốc lá					
Thuốc lá	721	8.3	1.1	1.5%	4.3%

18 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,958	9.0	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	163	3.4	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	212	9.0	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,964	12.7	2.9	22.5%	14.9%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	296	47.0	1.0	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	765	10.7	1.3	13.7%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,006	10.4	1.8	18.6%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,109	9.2	1.0	10.7%	6.9%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,628	55.2	2.4	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,229	28.3	1.4	11.3%	9.5%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,755	18.7	3.5	23.4%	20.1%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	822	12.2	1.0	8.8%	3.3%
Internet	392	82.7	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,446	10.4	2.2	21.8%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	485	15.4	0.8	4.7%	1.8%
Thiết bị văn phòng	301	5.7	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,173	35.3	6.9	34.0%	11.4%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,219	10.1	1.5	15.7%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	203,852	16.7	5.4	32.5%	22.0%
Nước	1,206	6.4	1.1	16.9%	11.5%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,388	8.3	0.9	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,854	11.9	0.8	6.5%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,687	8.4	1.0	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,266	20.9	2.2	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,023	36.5	1.0	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	30,115	12.8	1.8	11.3%	7.9%
Ngân hàng					
Ngân hàng	238,527	11.3	1.2	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	178,928	17.6	3.2	19.5%	4.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.7	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	48,787	11.0	2.3	21.9%	9.2%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.